TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 345/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 118/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 1, thôn 6, xã Hàm Đức, huyện H, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Anh Trần Ngọc B, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Liêm An, xã Hồng Liêm, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 20/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Hiện nay, chị và anh B không còn chung sống, không còn quan T nhau, không còn

chăm sóc nhau, mạnh ai náy sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc B.

Về con chung: Chị và anh Trần Ngọc B có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Phương Anh, sinh ngày 16/12/2016. Hiện nay cháu Anh đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Ngọc B: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh B đều vắng mặt không có lý do. Không có văn bản thể hiện ý kiến của anh B về yêu cầu khởi kiện của chị T. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Ngọc B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về con chung với bị đơn anh Trần Ngọc B. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở Thôn Liêm An, xã Hồng Liêm, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là

phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc B tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 20/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo chị T, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, cả hai không còn quan T, chăm sóc nhau và thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng anh B vắng mặt chứng tỏ anh B không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị T.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, chung thủy, quan T, chăm sóc nhau. Nhưng giữa chị T và anh B không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng với nhau, không còn quan T, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T ly hôn với anh B là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

Về con chung: Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Trần Ngọc Phương Anh, sinh ngày 16/12/2016. Xét thấy, hiện nay cháu Anh đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Anh cũng có nguyện vọng được chung sống với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hiện tại của mẹ con chị T đang ổn định, được học hành và chăm sóc đầy đủ nên việc để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Anh là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Ngọc B không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

– Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

– Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

– Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Ngọc B.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Phương Anh, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Ngọc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0019681 ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc B có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quản

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị xã Lagi, ngày 21 tháng 7 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

- *Các thẩm phán*: Bà Trần Thị Ánh Tuyết và Bà Trần Thị Thiên Hương

Căn cứ vào các Điều 199; 222; 247 và khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngày 26/7/2016, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Lê Bá Thủy phạm tội "Chứa mại dâm".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:

+ **3/3 ý kiến thống nhất:**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Bá Thủy, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2016/HSST ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá Thủy, phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng điểm p khoản 1 điều 46, khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Bá Thủy 18 tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 13/01/2016 đến ngày 14/03/2016) thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 02 võ bao cao su, 3 bao cao su đã qua sử dụng, 5 bao cao su chưa sử dụng, 2 tuýt nhựa hiệu KY.

- Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ hiệu Viettel.

- Áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước 750.000 đồng

- Áp dụng điểm b khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Lê Bá Thủy 3 hộp bao cao su và 310.000 đồng. Tuy nhiên cần tạm giữ số tiền 310.000 đồng để đảm B thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án của UBTVQH 12 ngày 27/02/2009;

Buộc Lê Bá Thủy phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/7/2016

+ **Các ý kiến khác không đồng ý:** Không có

Biên bản lập xong cùng ngày. Chủ tọa phiên tòa đọc lại cho Hội đồng xét xử phúc thẩm nghe, công nhận đúng và cùng thống nhất ký tên:

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái